

Viện Đại học Vạn Hạnh trong cải cách giáo dục ở miền Nam Việt Nam (1964-1975)

Nguyễn Kim Dung*

Nhận ngày 25 tháng 12 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 01 năm 2026.

Tóm tắt: Viện Đại học Vạn Hạnh là một trong hai viện đại học tư thục đầu tiên, có ảnh hưởng lớn trong đời sống văn hóa - xã hội miền Nam Việt Nam (1964-1975). Trên cơ sở khai thác tài liệu lưu trữ, công trình chuyên khảo về giáo dục ở miền Nam, bài viết phân tích sự thành lập, quan điểm giáo dục mới của Viện Đại học Vạn Hạnh. Thông qua trình bày một số nét nổi bật về hoạt động và kết quả đào tạo của Viện, bài viết đánh giá vai trò của Viện đối với cải cách đại học và cải cách giáo dục miền Nam (1964-1975). Kết quả nghiên cứu này góp phần gợi mở nhận thức về ý nghĩa của việc vận dụng tư tưởng Phật giáo vào xây dựng triết lý và phương pháp giáo dục phù hợp với văn hóa dân tộc, phục vụ cải cách giáo dục và tăng khả năng thích ứng của con người trong thời đại số.

Từ khóa: Vạn Hạnh, Phật giáo, giáo dục miền Nam, cải cách giáo dục, đại học tư thục.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Vạn Hạnh University Institute was one of the two pioneering private university institutes and exerted significant influence on the socio-cultural domain of South Vietnam (1964–1975). Based on archival materials and specialized studies on education in South Vietnam, this article analyzes the establishment of Vạn Hạnh University Institute as well as its innovative educational philosophies. Through an analysis of key aspects of its activities and training outcomes, the study evaluates the institution's role in advancing university reform and broader educational reform in South Vietnam during the period 1964-1975. The findings of this study also contribute to broader reflections on the significance of applying Buddhist thought to the development of educational philosophies and methods consistent with national culture, thereby supporting educational reform and enhancing human adaptability in the digital era.

Keywords: Vạn Hạnh, Buddhism, education in South Vietnam, educational reform, private university.

Subject classification: History

1. Đặt vấn đề

Viện Đại học Vạn Hạnh ra đời năm 1964 và đã để lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử giáo dục đại học Việt Nam. Cơ cấu tổ chức, chương trình đào tạo và di sản của Viện Đại học này đã thể hiện rõ tầm vóc của một đại học Phật giáo đầu tiên của Việt Nam. Viện có ảnh hưởng rộng lớn ra ngoài phạm vi Phật giáo như một trung tâm học thuật uy tín, trung tâm cải cách giáo dục đại học của miền Nam đương thời.

Hiện nay, một số bài viết, công trình nghiên cứu đề cập hoạt động văn hóa - giáo dục của Viện Đại học Vạn Hạnh. Tiêu biểu là, Hòa thượng Thích Giác Chính (2015) đã khái quát lịch sử phát triển, trình bày quan điểm giáo dục Phật giáo và vai trò của Viện Đại học Vạn Hạnh trong xây dựng mô hình đại học đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực và hệ thống giáo dục Phật giáo Việt Nam. Tuy nhiên, bài viết chưa đi sâu phân tích các tư liệu để làm rõ đóng góp cụ thể của Viện với cải cách giáo dục (Thích Giác Chính, 2015). Phan Ngọc Bảo Liêm (2020) đã phân tích quá trình ra đời, cơ cấu tổ chức, thực trạng của Viện Đại học Vạn Hạnh, trong khuôn khổ nghiên cứu về đại học tư thục ở miền Nam (1957-1975), nhưng chưa phân tích quan điểm, đường hướng giáo dục mới và vai trò của Viện trong cải cách giáo dục ở miền Nam (1964-1975) (Phan Ngọc

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
Email: nguyengkimdung@hpu2.edu.vn

Bảo Liêm, 2020). Nguyễn Kim Dung (2023) cho rằng, Viện Đại học Vạn Hạnh áp dụng mô hình giáo dục đại học Hoa Kỳ và có tính quốc tế cao (Nguyễn Kim Dung, 2023: 173-174). Ngô Võ Đức Hải (2024) khẳng định: Viện Đại học Vạn Hạnh cùng trường Bồ Đề là sự tiếp bước tiến trình “Phật giáo đồng hành cùng dân tộc” (Ngô Võ Đức Hải, 2024). Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống, toàn diện về Viện Đại học Vạn Hạnh. Vì vậy, việc nghiên cứu về Viện Đại học Vạn Hạnh trong cải cách giáo dục ở miền Nam (1964-1975) rất cần thiết, sẽ gợi mở nhiều ý tưởng về vận dụng tư tưởng giáo dục Phật giáo vào cải cách giáo dục, xây dựng nền giáo dục mang tính dân tộc sâu sắc. Đồng thời, nghiên cứu mở ra góc tiếp cận mới về đóng góp của Phật giáo vào cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống chiến tranh, giành hòa bình và thống nhất đất nước, hòa hợp dân tộc (1954-1975).

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp duy vật lịch sử để mô tả, phân tích hoạt động giáo dục và đào tạo của Viện Đại học Vạn Hạnh và đánh giá vai trò của Viện Đại học này trong cải cách giáo dục ở miền Nam Việt Nam (1964-1975). Nguồn sử liệu được sử dụng khá đa dạng, bao gồm tài liệu lưu trữ, Tạp chí *Tư tưởng* của Viện Đại học Vạn Hạnh cùng các nghiên cứu của các học giả đương thời và hiện nay về giáo dục miền Nam thời kỳ này. Bên cạnh đó, nghiên cứu vận dụng phương pháp liên ngành giữa sử học, khoa học thống kê, xã hội học, giáo dục học, triết học, văn hóa học để định lượng kết quả đào tạo; đánh giá khách quan, đa chiều quan điểm giáo dục Phật giáo; rút ra các nhận thức mới về hoạt động và vai trò của Viện trong cải cách giáo dục ở miền Nam. Kết quả nghiên cứu cũng đặt vấn đề nhìn nhận đóng góp của Viện Đại học Vạn Hạnh nói riêng và Phật giáo miền Nam nói chung trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và thống nhất đất nước (1954-1975).

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Sự thành lập Viện Đại học Vạn Hạnh trong bối cảnh cải cách giáo dục

Thời kỳ 1954-1975, miền Nam Việt Nam trở thành chiến trường của cuộc chiến tranh ý thức hệ. Sự can thiệp của đế quốc Mỹ không chỉ biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới mà còn ảnh hưởng rất lớn đến đời sống văn hóa, xã hội. Cuộc chiến tác động mạnh mẽ, toàn diện lên mọi lĩnh vực đời sống và mọi tầng lớp xã hội. Trên bình diện văn hóa diễn ra cuộc đấu tranh giữa hệ giá trị phương Đông và phương Tây, giữa truyền thống và hiện đại, giữa xu hướng quốc gia - dân tộc hay Âu Mỹ hóa, cải cách hay bảo thủ. Trong hoàn cảnh đó, nền giáo dục miền Nam rơi vào cuộc khủng hoảng to lớn, đối mặt với thách thức xây dựng một nền giáo dục quốc gia, duy trì tính dân tộc nhưng phải hiện đại hóa, đồng nghĩa với Âu Mỹ hóa. Thách thức còn lớn hơn khi cuộc chiến ngày càng lan rộng và khốc liệt, tính mạng con người bị đe dọa nghiêm trọng, tấn công vào sự ổn định và các giá trị căn bản của nền giáo dục. Các tôn giáo như: Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo... trước thử thách sống còn của dân tộc, đã tham gia mạnh mẽ vào đời sống chính trị, văn hóa, xã hội, đặc biệt là giáo dục, như những nỗ lực bảo vệ giá trị cốt lõi của người Việt Nam trước sự tàn phá của chiến tranh. Giáo dục tôn giáo phát triển mạnh mẽ, hình thành hệ thống giáo dục Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo từ cấp mẫu giáo đến đại học, sau đại học. Trường Bồ đề (giáo dục phổ thông từ cấp tiểu học đến trung học), Kiền Đàm và Viện Đại học Vạn Hạnh là những dấu son trong hệ thống giáo dục Phật giáo và phong trào Phật giáo ở miền Nam Việt Nam (1963-1975).

Việc huy động tối đa mọi nguồn lực vào xây dựng, bảo vệ và phát triển nền giáo dục dân tộc trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt đã tăng cường khả năng thích nghi của nền giáo dục với biến động thời cuộc, khả năng hội nhập quốc tế, sàng lọc và tiếp thu nhanh chóng các yếu tố phù hợp từ các nền giáo dục thế giới, và đặc biệt là tính tự nhân hóa, cá thể hóa. Đồng thời, nền giáo dục luôn tự đặt ra yêu cầu cải tổ rất lớn và chuyển đổi không ngừng để thích ứng với hoàn cảnh chiến tranh đầy biến động. Từ năm 1964, cuộc cải cách giáo dục toàn diện diễn ra mạnh mẽ ở miền Nam, chuyển đổi từ mô hình giáo dục Pháp (được cho là lạc hậu và có nhiều khuyết điểm) sang

mô hình giáo dục Âu Mỹ (hiện đại và thiết thực với hoàn cảnh xã hội). Sắc lệnh số 660-TT/SL ngày 1 tháng 12 năm 1969 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa quy định chuyển toàn bộ hệ thống giáo dục sang mô hình Âu Mỹ (Nguyễn Kim Dung, 2023: 243-244). Dù cải cách giáo dục bắt đầu từ bậc tiểu học đến trung học, đại học nhưng ở bậc đại học, làn sóng cải cách diễn ra mạnh mẽ nhất và đạt nhiều thành tích. Các đại học tư do các tôn giáo điều hành (trừ Viện Đại học Đà Lạt thành lập năm 1958, đều được thành lập trong giai đoạn 1964-1975), đã đi đầu trong cuộc cải cách. Các viện đại học này nhanh chóng hòa mình vào cải cách đại học, tiếp thu mô hình đại học Hoa Kỳ, du nhập các ngành đào tạo hiện đại, có tính ứng dụng cao, khởi xướng các quan điểm và phương pháp giáo dục mới, cổ vũ tự trị đại học và đề cao quốc tế hóa đại học (Nguyễn Kim Dung, 2023: 163-166, 174). Đồng thời, các đại học tư khẳng định các nguyên tắc căn bản của nền giáo dục: Dân tộc, Nhân bản, Khoa học, Đại chúng, Thực dụng, làm định hướng cho hoạt động giáo dục và đào tạo (Nguyễn Kim Dung, 2023: 249-251).

Viện Đại học Vạn Hạnh do Thượng tọa Thích Minh Châu làm Viện trưởng, là đại học đầu tiên của Phật giáo Việt Nam, tiền thân là Viện Cao đẳng Phật học, được hợp thức hóa bằng Nghị định số 1805-NĐ/PG/NĐ ngày 17 tháng 10 năm 1964 của Bộ Quốc gia Giáo dục (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 437). Trụ sở ban đầu đặt tại chùa Pháp Hội và chùa Xá Lợi ở Sài Gòn. Năm 1966, trụ sở chính xây cất hiện đại tại số 222 Trương Minh Giảng, Sài Gòn (nay là đường Lê Văn Sĩ, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh). Đây là một tòa nhà 4 tầng gồm: văn phòng của Viện trưởng, các Phân khoa, Nha sở, Thư viện, Câu lạc bộ,... và giảng đường, phòng học của sinh viên (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 15-16).

Mục tiêu của Viện Đại học Vạn Hạnh là trở thành một “đại học kiểu mẫu của Việt Nam” (Thượng tọa Thích Minh Châu, 1967: 11-12), theo đuổi phương châm “Duy Tuệ Thị Nghiệp”, nghĩa là tất cả mọi hoạt động tại Viện đều nhằm xây dựng kiến thức và trí tuệ cho sinh viên (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 21). Viện Đại học Vạn Hạnh tiếp thu mô hình đại học đa ngành, đa lĩnh vực của Hoa Kỳ nhưng được xây dựng và phát triển dựa trên triết lý giáo dục Phật giáo truyền thống của người Việt, đào tạo các chuyên ngành phù hợp và thiết thực với văn hóa và xã hội Việt Nam (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 22-25, 29-36).

Viện Đại học Vạn Hạnh đào tạo cấp đại học và sau đại học, chuyên ngành đa dạng với nội dung đào tạo phong phú, định hướng đại học nghiên cứu nhưng coi trọng ứng dụng. Phân khoa Văn học và Khoa học nhân văn gồm 7 ban như: Văn học Việt Nam, Đông phương, Triết học, Tâm lý học và thực nghiệm, Sử Địa, Văn học Anh Mỹ và Báo chí học. Phân khoa Khoa học xã hội, gồm 4 ban: Xã hội học, Chánh trị học, Kinh tế học, Thương mại học. Phân khoa Phật học gồm 2 ban: Phật học Hán Việt và Phật học Sanskrit. Phân khoa Giáo dục gồm 4 ban: Việt Hán, Sử Địa, Anh văn, Toán. Viện đã đào tạo sau đại học: Cao học Phật học từ năm 1970 ở Phân khoa Phật học (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 448-450); Cao học Văn học, Cao học Triết học, Cao học Sử học từ năm 1971 ở Phân khoa Văn học và Khoa học nhân văn (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 454); Cao học Xã hội học, Cao học Nhân chủng học, Cao học Chính trị học, Cao học Kinh tế học, Cao học Thương mại học từ năm 1971 ở Phân khoa Khoa học xã hội (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 460-465). Từ năm 1970, các văn bằng của Viện (bao gồm cả văn bằng cao học, bắt đầu được cấp từ năm 1972) được công nhận ngang hàng với văn bằng của viện đại học quốc gia (Bộ Giáo dục, 1970; Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 29-31).

Viện Đại học Vạn Hạnh có sự góp mặt của nhiều trí thức lớn đương thời. Hội đồng Quản trị gồm: Thượng tọa TS. Thích Minh Châu (Viện trưởng), Thượng tọa TS. Thích Mãn Giác, GS. Ngô Trọng Oanh, Thượng tọa Thích Trí Tịnh, GS. Nguyễn Đăng Thục, Đại đức TS. Thích Nguyên Hồng, TS. Bùi Tường Huân... (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 4-6). Hội đồng Tư vấn gồm: GS. Vũ Văn Mẫu, GS. Thái Tường, GS. Phan Tấn Chúc, GS. Phạm Đình Ái, Bác sĩ Lê Khắc Quyến, Bác sĩ Trần Ngọc Ninh, GS. Vũ Khắc Khoan, GS. Lê Văn Thới, GS. Lê Thanh Minh Châu (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 477). Những học giả này không chỉ đóng góp cho Viện Đại học Vạn Hạnh trên phương diện nghiên cứu, giảng dạy, phổ biến tri thức khoa học mà còn có ảnh

hưởng lớn trên nhiều lĩnh vực văn hóa - xã hội miền Nam. Nhờ vậy, uy tín, tiếng nói của Viện với cải cách đại học nói riêng và cải cách giáo dục miền Nam nói chung được tăng cường.

Năm 1967, Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản Tạp chí *Tư tưởng*, làm cơ quan ngôn luận, cổ vũ cải cách đại học. Thượng tọa Thích Minh Châu làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát phụ tá. Nhiều giáo sư danh tiếng giảng dạy tại Viện Đại học Vạn Hạnh: Thích Minh Châu, Nguyễn Đăng Thục, Tuệ Sỹ, Phạm Công Thiện, Lê Mạnh Thát, Lê Tôn Nghiêm, Kim Định, Thạch Trung Giả... *Tư tưởng* xuất bản tổng cộng 50 số; mỗi năm, ra từ 6 đến 10 số. Số cuối cùng, số 49, vào tháng 2 năm 1975 (Thích Không Hạnh, 2020).

Viện Đại học Vạn Hạnh góp phần mở ra giai đoạn mới cho giáo dục đại học tư thục ở miền Nam. Trước năm 1964, miền Nam chỉ tồn tại duy nhất một trường đại học tư do Công giáo đài thọ, là Viện Đại học Đà Lạt. Năm 1964, đúng thời điểm Đại hội Giáo dục toàn quốc đề ra chủ trương cải cách giáo dục toàn diện và xây dựng hệ thống giáo dục mới theo mô hình Âu Mỹ, Viện Đại học Vạn Hạnh ra đời và trở thành hạt nhân đầu tiên, quan trọng, mở đầu cải cách giáo dục đại học (Nguyễn Kim Dung, 2023: 282). Tiếp đó, các viện đại học tư khác nhanh chóng thành lập (đến năm 1973, miền Nam có 8 viện đại học tư (Nguyễn Kim Dung, 2023: 162), hình thành hệ thống đại học tư thục, trở thành những trọng điểm của cuộc cải cách đại học ở miền Nam (1964-1975). Như vậy, Viện Đại học Vạn Hạnh ra đời, có thể nói, giống như một nhân tố mở đường cho sự thành lập hàng loạt viện đại học tư ở miền Nam, tiếp thu mô hình giáo dục đại học Hoa Kỳ và nỗ lực xây dựng nền đại học miền Nam.

Việc thành lập Viện Đại học Vạn Hạnh cũng đánh dấu sự tham gia của giáo dục Phật giáo ở trình độ cao vào công cuộc đào tạo trí thức. Từ đó, Viện đã góp thêm tiếng nói của Phật giáo trên diễn đàn văn hóa - tư tưởng, có được chỗ đứng vững chắc trong nền đại học miền Nam. Quá trình ra đời và phát triển cùng đóng góp của Viện liên tục trong 10 năm (1964-1975) thể hiện sức sống mạnh mẽ và sự cống hiến của Phật giáo cho xã hội miền Nam, dù từng chịu nhiều tổn thất từ cuộc đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm trong một thời gian dài, đỉnh điểm là năm 1963.

3.2. Quan điểm giáo dục của Viện Đại học Vạn Hạnh

Viện Đại học Vạn Hạnh khẳng định quan điểm xây dựng một đại học Phật giáo hiện đại, tôn trọng nguyên tắc Dân tộc, Nhân bản, Khoa học. Viện cũng đề xuất và thúc đẩy nhiều quan điểm, phương pháp giáo dục mới trên cơ sở tư tưởng giáo dục của Phật giáo. Viện đặt vấn đề cải tổ giáo dục phải đi từ gốc, từ các vấn đề căn bản. Đó gọi là “tri bản”. “Tri bản” là hướng đến người học, giúp họ rèn luyện để hoàn thiện bản thân, trở thành những “người có đủ tư cách để lãnh đạo quốc gia xã hội” (Tôn Thất Thiện, 1969: 49-51). Các quan điểm này được thể hiện hệ thống và sâu sắc trên Tạp chí *Tư tưởng*.

Nền tảng tư tưởng giáo dục Phật giáo, Viện trưởng Thích Minh Châu khẳng định sứ mệnh của Viện Đại học Vạn Hạnh gắn liền với sứ mệnh của Phật giáo, với thời cuộc, hòa bình và vận mệnh dân tộc: “Xây dựng một Viện Đại học giữa một trận chiến tàn khốc và trường kỳ, tự nó đã là một thử thách ghê gớm... chính vì chiến tranh mà Viện Đại học mới được xây dựng. Chiến tranh là tàn phá và Đại học là kiến thiết. Chiến tranh có nghĩa là giết chóc và gieo rắc căm thù, Đại học có nghĩa là kính trọng sự sống và ban phát từ bi. Chiến tranh hạ thấp nhân phẩm, một Viện Đại học nâng cao tính cách thiêng liêng của mạng sống con người. Hơn nữa, một đại học chính là nơi đào tạo những lãnh tụ mà quốc gia sẽ cần tới mai sau...” (Thượng tọa Thích Minh Châu, 1967: 9-10). Đường hướng giáo dục của Viện Đại học Vạn Hạnh là “giáo dục dân tộc, phát huy quốc học, giúp sinh viên tìm hiểu cái hay cái đẹp của văn hóa dân tộc, tự mình hãnh diện làm con người Việt Nam và thực sự đoàn kết để xây dựng quốc gia Việt Nam sau này” (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 21).

Viện Đại học Vạn Hạnh khẳng định nhiệm vụ của nhà giáo dục trong xã hội hiện đại là giảng dạy và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc thông qua chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, tổ chức học đường, các hoạt động giáo dục khác, và đặc biệt là qua tư cách, thái độ của chính người thầy. Nhà giáo dục đồng thời phải cung cấp cho thanh thiếu niên

những hiểu biết sâu sắc về những biến chuyển xã hội và văn hóa, giúp họ chủ động thích nghi với các biến chuyển ấy một cách nhân văn. Cả hai nhiệm vụ trên đều liên hệ mật thiết với nhau dựa trên khởi điểm là “mô thức văn hóa tạo thành do những thành tố phổ quát và đặc thù của nền văn hóa dân tộc.” (Dương Thiệu Tống, 1969: 131-132)

Là một viện đại học tôn giáo, Viện Đại học Vạn Hạnh bên cạnh khẳng định các giá trị cốt lõi của giáo dục trong đào tạo con người, đã nhấn mạnh đến chiều sâu của hoạt động giáo dục, hướng đến “một nền giáo dục tổng hợp khoa học, nghệ thuật và tôn giáo để đào tạo con người đầy đủ ba phẩm chất: Chân, Thiện, Mỹ” (Thích Quảng Độ, 1971: 94-95). Con người được phát triển hài hòa, tốt đẹp cả năm mặt thể chất, tình cảm, tâm tư, tri thức, trí tuệ, tạo ra sự thăng bằng toàn diện của một con người toàn diện “trong tinh thần Chân lý, Tự do và Nhân tính” (Thượng tọa Thích Minh Châu, 1971: 8).

Mục tiêu, phương pháp giáo dục đại học mới, Viện Đại học Vạn Hạnh là một trung tâm văn hóa - giáo dục phục vụ quảng đại quần chúng. “Viện ngay từ buổi đầu đã mở cửa đón tất cả mọi người, không phân biệt tôn giáo. Viện không phải một chủng viện dành riêng cho tăng ni” (Thượng tọa Thích Minh Châu, 1967: 5).

Viện Đại học Vạn Hạnh kết hợp giữa tư tưởng giáo dục Phật giáo với tư tưởng Nho học, tư tưởng triết học giáo dục phù hợp của Tây phương (xã hội học của Emile Durkheim, tinh thần giáo dục của Jean Jacques Rousseau, triết học hiện sinh của Friedrich Wilhelm Nietzsche, tâm lý học giáo dục của John Dewey...), nhằm tìm ra tư tưởng định hướng và phương pháp giáo dục mới cho cải cách giáo dục ở miền Nam. Kết hợp với triết học giáo dục phương Tây và mô hình đại học Hoa Kỳ (Clark Kerr, 2013: 297-327), Viện Đại học Vạn Hạnh khẳng định tinh thần đại học hướng đến 3 mục tiêu: Học vấn - Nghiên cứu - Giáo dục, nhằm xây dựng “một nền văn hóa toàn diện” (Lê Tôn Nghiêm, 1969: 81). Giảng dạy và nghiên cứu phải liên hệ với nhau một cách mật thiết và cơ cấu đại học phải phản ánh sự liên hệ ấy. Nghiên cứu phải là “một thành tố thiết yếu của một nền giáo dục đại học” (Lê Tôn Nghiêm, 1969: 98).

Trên cơ sở đó, Viện đề xuất một phương pháp giáo dục Phật giáo. Phương pháp này giáo dục con người dựa trên 6 mối tương quan: 1/ con người với hoàn cảnh; 2/ con người với hành động; 3/ con người với trí thức; 4/ con người với đạo đức; 5/ con người với thời gian; 6/ con người với chân lý. Mục đích giúp con người thể hiện được ba giá trị Chân, Thiện và Mỹ - là “ba tướng trạng của Phật tính” (Thượng tọa Thích Minh Châu, 1969: 6). Việc áp dụng các phương pháp giáo dục cần dựa trên tinh thần Phật giáo. Tinh thần giáo dục Phật giáo là “tinh thần căn nguyên”, triệt để, hướng đến đào tạo “con người hoàn toàn người”, “sống động trọn vẹn”. Giáo dục Phật giáo chú trọng vào “Chân thật trí”, là con người “luôn luôn biết ngạc nhiên, khiến mình thoát ra khỏi mình để nhìn lại mình, là nền tảng giáo dục của Thiền tông, nền tảng của triết học và khoa học” (Ngô Trọng Anh, 1969: 15-41). Đối với người học, Viện đưa ra một phương pháp học tập hướng tới bản chất vấn đề, được gọi là phương pháp “tri bản”. Phương pháp “tri bản” chính là phương pháp học hỏi. Người học phải học cho rộng, hỏi cho kỹ càng, nghĩ cho cẩn thận, biện luận cho rõ ràng, và quyết tâm thực hành điều mình biết (Tôn Thất Thiện, 1969: 52).

Viện Đại học Vạn Hạnh đề cao vai trò của văn học và khoa học nhân văn trong giải quyết những vấn đề tiêu cực nảy sinh từ xã hội công nghiệp - coi trọng máy móc và vật chất. Phân khoa Văn học và Khoa học nhân văn cùng với Phân khoa Phật học được mở đầu tiên khi thành lập Viện. Viện coi trọng hai phân khoa này như là nơi giáo dục và đào tạo con người hình thành ý thức mạnh mẽ nhất về việc khẳng định văn hóa là nền tảng của sáng tạo, và là cơ sở để tìm lại được “thực tính của Việt Nam trong thực tính của con người” (Thượng tọa Thích Minh Châu, 1970: 13).

Vấn đề quốc tế hóa giáo dục đại học, Viện Đại học Vạn Hạnh có tiềm lực vật chất, tinh thần rất lớn cùng mối liên kết quốc tế rộng khắp. Viện đề cao tính quốc tế hóa của giáo dục đại học và coi việc xây dựng một nền giáo dục vì hòa bình của nhân loại là sứ mệnh của Viện. Viện hợp tác với nhiều đại học Phật giáo và thế tục trên toàn thế giới. Viện là hội viên của nhiều tổ chức quốc tế như Hiệp hội Đại học Đông Nam Á (The Association of Southeast Asian Institution of

Higher Learning) và Hiệp hội Khoa học Xã hội Đông Nam Á (Southeast Asian Social Sciences Association) và là Hội viên Sáng lập Hội đồng Đại học Tự lập Việt Nam (Thượng tọa Thích Minh Châu, 1967: 9-10). Nhờ vậy, Viện đã thúc đẩy sự kết nối sâu sắc giữa đại học miền Nam với quốc tế và liên kết nhân dân Việt Nam với nhân dân thế giới vì hòa bình và trí tuệ nhân loại.

Vấn đề tự trị đại học, Viện thể hiện quan điểm rõ ràng và nhất quán về tự trị đại học. Trước hết là tự trị học vụ. Chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy đều do Viện tự ấn định. Sinh viên có quyền lựa chọn phân khoa, môn học và giảng viên. Theo *Nghị định số 1805-GD/PC/NĐ ngày 17-10-1964 hợp thức hóa Viện Cao đẳng Phật học và quy định thể thức cấp phát văn bằng của Viện này* của Bộ Quốc gia Giáo dục, Viện toàn quyền tổ chức thi cử và cấp văn bằng về các ngành đào tạo. Giáo sư do Viện tuyển chọn, bổ nhiệm dựa trên năng lực chuyên môn và đạo đức (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 436-438).

Về vai trò xã hội của đại học, Viện khẳng định đại học là đào tạo con người phụng sự xã hội - những người vừa có kiến thức chuyên môn vừa có văn hóa (Nguyễn Đăng Thục, 1975: 17). “Đại học phải tích cực tạo uy tín thực của mình đối với xã hội vừa bằng các công trình giảng huấn, vừa bằng những hoạt động phản ánh được nhu cầu cũng như thực trạng ngoài xã hội. Đại học không thể đi ngược lại chiều hướng tiến triển chung của xã hội; nhưng đại học cũng không thể nhắm mắt làm ngơ hay để bị chi phối lôi cuốn theo những lầm lạc của một chính sách độc đoán phản lại quyền lợi chung của dân tộc” (Đoàn Viết Hoạt, 1975: 25).

Ra đời trong thời kỳ chính quyền quân sự độc tài, nên ngay từ đầu, Viện cương quyết đặt chính trị ra ngoài trường học, quyết tâm bảo vệ học đường khỏi tác động tiêu cực của khủng bố chính trị và chiến tranh. *Quyết định số 20/ĐHVH/QĐ của Viện trưởng ban hành ngày 22-1-1972 về Quy tắc sinh hoạt tại Viện Đại học Vạn Hạnh* quy định rõ: “Không một tổ chức đoàn thể nào được sử dụng cơ sở và khuôn viên Viện để hoạt động chính trị, cũng như không một tổ chức nào được dùng danh nghĩa Viện Đại học Vạn Hạnh để hoạt động chính trị” (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 471).

Đối với sự can thiệp của chính quyền Sài Gòn, Viện Đại học Vạn Hạnh thể hiện quan điểm cứng rắn: “Đại học không phải là nơi làm việc gì khác trừ việc học và tư tưởng, dù là chính trị, tôn giáo hay thương mại... nhân viên chính quyền không có quyền xâm nhập và hành động ngăn trở hành hung, đàn áp sinh viên. Chỉ khi nào sinh viên thực sự đe dọa an ninh trật tự (mà chỉ nói hay là có hét đi nữa chưa phải là thực sự đe dọa ai cả) thì nhân viên công lực mới có quyền xâm nhập và hành động, và chỉ sau khi yêu cầu chức trách trong đại học can thiệp mà vô hiệu lực” (Tôn Thất Thiện, 1970: 143-144). Trong bối cảnh chính trị và chiến tranh ở miền Nam (1964-1975), quan điểm và thái độ của Viện là quan điểm và thái độ chung của đại học miền Nam nhằm bảo vệ học đường và xây dựng nền đại học dân chủ. Nhờ đó, Viện đã tồn tại và phát triển ổn định trong 10 năm, đạt được nhiều thành tích, đóng góp hiệu quả cho cải cách đại học và xã hội.

Đặc biệt, dù tách chính trị ra ngoài trường học, nhưng đứng trên lập trường của trí thức và phụng sự dân tộc, Viện Đại học Vạn Hạnh với cơ quan ngôn luận là Tạp chí *Tư tưởng* luôn thẳng thắn và kịp thời phản biện các vấn đề xã hội, đấu tranh cho hòa bình và độc lập dân tộc. Tạp chí đã xuất bản chuyên đề “Chúng ta có thể làm gì cho quê hương” để phát ngôn chiến tranh, đòi hòa bình. Tạp chí *Tư tưởng* có uy tín học thuật và ảnh hưởng xã hội rất lớn, là tiếng nói của một trung tâm học thuật của Phật giáo Việt Nam. Các phản biện xã hội của các học giả thuộc Viện Đại học Vạn Hạnh đều dựa trên tinh thần khoa học, lòng yêu nước và tư cách người trí thức đối với xã hội. Tạp chí *Tư tưởng* khẳng định tầm quan trọng không thể thiếu của một tạp chí chuyên ngành làm cơ quan ngôn luận cho đại học. Các quan điểm giáo dục của Viện Đại học Vạn Hạnh có tác dụng thúc đẩy cải cách đại học.

3.3. Đóng góp của Viện Đại học Vạn Hạnh với cải cách đại học ở miền Nam (1964-1975)

Thông qua hoạt động đào tạo đại học và sau đại học, Viện Đại học Vạn Hạnh đã khẳng định các quan điểm giáo dục mà Viện đề ra là phù hợp và hiệu quả. Kết quả đào tạo của Viện cũng góp phần củng cố vị trí của đại học tư trong nền giáo dục miền Nam. Viện Đại học Vạn Hạnh đã đáp ứng yêu cầu thể tục của một đại học tư nằm trong hệ thống đại học miền Nam. Nguyên

tác tổ chức và quản lý của Phật giáo đem lại cho Viện một bầu không khí học tập, giảng dạy, nghiên cứu nền nếp, khai phóng và đặc trưng của một viện đại học Phật giáo.

Việc tuyển sinh không phân biệt tôn giáo. Mọi thí sinh đủ điều kiện và qua kỳ xét tuyển đều được nhập học. Năm học 1972-1973, số sinh viên đông nhất lên tới 3.862 người, chiếm 35,7% tổng số sinh viên của 8 viện đại học tư miền Nam. Trong hệ thống đại học tư, tổng số sinh viên do Viện đào tạo trong 10 năm chỉ đứng sau Viện Đại học Đà Lạt (Nguyễn Kim Dung, 2023: 225). Khoa Khoa học xã hội mở từ năm học 1967-1968, luôn có số sinh viên đông nhất, chiếm khoảng 50% số sinh viên toàn trường, tiếp đến là số sinh viên Văn khoa và Khoa học nhân văn, Phân khoa Phật học. Từ năm học 1970-1971, Phân khoa Giáo dục được mở để đào tạo giáo sư trung học có số lượng sinh viên đứng thứ hai, sau Phân khoa Khoa học xã hội. Ngoài ra, Viện mở Trung tâm Ngoại ngữ đào tạo Anh ngữ, Pháp ngữ, Đức ngữ và Nhật ngữ cho sinh viên trong trường, sinh viên các trường khác và những người có nhu cầu học ngoại ngữ (Bảng 1).

Bảng 1: Sinh viên Viện Đại học Vạn Hạnh từ niên khóa 1964-1965 đến 1972-1973

Niên khóa	Phật học	Văn khoa và Khoa học nhân văn	Khoa học xã hội	Giáo dục	Trung tâm ngoại ngữ	Tổng cộng
1964-1965	520	176				696
1965-1966	350	138				488
1966-1967	250	216			336	802
1967-1968	216	192	1190		340	1938
1968-1969	109	552	1371		579	2611
1969-1970	108	538	1581		980	3210
1970-1971	112	505	2018	280	770	3685
1971-1972	130	617	1623	574	402	3346
1972-1973	153	679	2165	685	(1)	3862

Chú thích: (1): Kể từ niên khóa 1972-1973, số học viên của Trung tâm Ngôn ngữ không tính vào tổng số sinh viên toàn Viện.

Nguồn: Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 479

Viện Đại học Vạn Hạnh có số giảng viên đông nhất trong số các viện đại học tư miền Nam (Nguyễn Kim Dung, 2023: 202). Ban đầu, Viện có 70 giảng viên. Sau 5 năm (niên khóa 1970-1971), số giảng viên tăng gấp đôi (136 giảng viên); đến niên khóa 1974-1975, số giảng viên tăng gấp 4 lần (281 giảng viên) (thống kê từ số liệu của Nha Trung Tiểu học, 1975: 19). Tỷ lệ gia tăng giảng viên hàng năm từ năm 1966 đến năm 1975 đạt 16,7% (Viện Đại học Đà Lạt có tỷ lệ gia tăng giảng viên hàng năm đạt 11,2%) (thống kê từ số liệu của Nha Trung Tiểu học, 1975: 19).

Tuy tốc độ gia tăng giảng viên hàng năm cao nhưng vẫn không đáp ứng được nhu cầu đào tạo của số sinh viên tăng lên rất nhanh, với tỷ lệ tăng hàng năm đạt 21% theo thống kê từ số liệu của Viện Đại học Vạn Hạnh (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 479). Viện Đại học Vạn Hạnh cũng như các viện đại học tư khác luôn thiếu giảng viên. Vì vậy, các viện đại học tư phải thuê rất nhiều giảng viên thỉnh giảng từ các viện đại học công. Tình trạng này tạo thành “phong trào giáo chức lưu động”, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy. Do không chủ động được đội ngũ giảng viên, đại học tư gặp khó khăn trong việc tổ chức đào tạo và bố trí ngành học. Đó cũng là một nguyên nhân khiến đại học tư mở nhiều ngành trùng nhiệm với đại học công như: Văn khoa, Luật khoa..., gây khó khăn cho tuyển sinh và định hướng đào tạo nghề thích ứng xã hội. Khó khăn càng tăng lên khi các đại học tư thiếu nguồn tài trợ ổn định từ ngân sách quốc gia. Trước năm 1968, hầu như không có khoản ngân sách nào cho đại học tư (Bộ Giáo dục, 1970).

Tuy vậy, Viện Đại học Vạn Hạnh đã đạt được thành tích đào tạo lớn, đóng góp vào sự phát triển của đại học miền Nam giai đoạn này. Từ 1969 đến 1973, chỉ trong 5 năm, Viện cấp 692 bằng cử nhân ở 3 Phân khoa Phật học, Văn học và Khoa học nhân văn, Khoa học xã hội. Trong đó, cử nhân Phân khoa Khoa học xã hội đông nhất, 536 người ở các phân ngành có tính ứng

dụng cao như: Kinh tế, Thương mại (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 480). Viện đứng thứ hai trong các viện đại học tư, về đào tạo cử nhân, chỉ sau Viện Đại học Đà Lạt với 829 cử nhân (Nguyễn Kim Dung, 2023: 194). Viện khẳng định được vị thế trong hoạt động đào tạo trí thức Phật học, trí thức khoa học cơ bản và nguồn nhân lực trình độ cao cho các ngành kinh tế - xã hội.

Viện Đại học Vạn Hạnh là một trong những trường đại học hiện đại nhất miền Nam đương thời với không gian phức hợp hoàn chỉnh giữa trung tâm học thuật, trung tâm giáo dục, trung tâm tôn giáo và trung tâm phổ biến tri thức, bao gồm: văn phòng, giảng đường, thư viện, thiền viện và đặc biệt có nhà xuất bản riêng để xuất bản tạp chí, giáo trình, kinh sách... Không gian Viện Đại học Vạn Hạnh đã thể hiện rõ tư tưởng giáo dục Phật giáo và tinh thần cải cách đại học của Viện. Thư viện Viện Đại học Vạn Hạnh là một trong những thư viện lớn và hiện đại nhất miền Nam đương thời (Lâm Vĩnh Thế, 2022). Năm 1973, Thư viện có 30.000 đầu tài liệu, 250 chỗ ngồi (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 38). Sách phân loại theo phân bộ Phật học và phân bộ Thế học. Phòng tham khảo có nhiều bộ sách Bách khoa và Từ điển của nhiều ngôn ngữ, gồm cả Sanskrit, Pali, Anh, Pháp, Đức, Nhật, Trung Hoa... Tất cả Tam tạng Kinh Điển của Phật giáo đều có ở đây... Ấn quán Vạn Hạnh ấn loát tất cả những ấn phẩm của Viện, và phát hành hàng tháng một tờ tin tức bằng Việt ngữ và Anh ngữ, tập san *Tư tưởng* và một sổ sách tu thư cần thiết. Trên đỉnh tòa nhà văn phòng của Viện là Thiền viện gồm có một vườn thiền, là nơi áp dụng một phương pháp tu tập thiền định của đạo Phật vào huấn luyện tâm thức và trí tuệ cả giáo sư lẫn sinh viên (Viện Đại học Vạn Hạnh, 1973: 11-12).

Năm 1974, các viện đại học tư đã lớn mạnh, với 1.616 giảng viên, gần bằng số giảng viên viện đại học công (1.786 giảng viên). Tổng số sinh viên viện đại học tư là 28.495 sinh viên, chiếm 19% tổng số sinh viên toàn miền Nam (Nguyễn Kim Dung, 2023: 200, 202, 222-225). Trên cơ sở sự phát triển, vị trí và đóng góp của các viện đại học tư vào nền giáo dục miền Nam, năm 1974, Viện Đại học Vạn Hạnh cùng Viện Đại học Đà Lạt, Viện Đại học Minh Đức, Viện Đại học Hòa Hảo, Viện Đại học Cao Đài thành lập Hội đồng Đại học Tư lập Việt Nam do Thượng tọa Thích Minh Châu làm Chủ tịch. Hội đồng Đại học Tư lập Việt Nam thành lập nhằm 3 mục tiêu: (1) Hợp tác để nâng cao phẩm chất giáo dục đại học. (2) Bảo vệ quyền lợi của giáo sư, nhân viên và sinh viên của Viện Đại học Tư lập hội viên. (3) Nói lên tiếng nói chung của giới đại học tư lập (Hội đồng Đại học Tư lập Việt Nam, 1975: 4). Theo Thượng tọa Thích Minh Châu: “Sự hiện diện của Hội đồng Đại học Tư lập Việt Nam là một nhu cầu vô cùng cần thiết, đánh dấu một nỗ lực mới của tư nhân trong lịch sử giáo dục nước nhà” (Thượng tọa Thích Minh Châu, 1975: 38). Viện Đại học Vạn Hạnh cho thấy tiềm lực to lớn của Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là nguồn lực trí tuệ to lớn - vốn là căn bản của đạo Phật - đạo của trí tuệ giác ngộ. Viện Đại học Vạn Hạnh tiếp nối sự hiện diện của Phật giáo trên vũ đài văn hóa - giáo dục của dân tộc, đã có truyền thống ngàn năm, thể hiện vai trò của Phật giáo trong đào tạo trí thức và tầng lớp tinh hoa, trong giai đoạn chiến tranh cũng như xây dựng hòa bình.

4. Kết luận

Viện Đại học Vạn Hạnh là đại học tư thực hiện đại của miền Nam Việt Nam (1964-1975). Viện là đại học Phật giáo đầu tiên, đào tạo trình độ sau đại học, tiên phong trong cải cách giáo dục miền Nam. Viện đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, văn bằng được công nhận tương đương văn bằng viện đại học quốc gia. Viện theo đuổi triết học giáo dục Phật giáo, ứng dụng kết hợp triết lý giáo dục của phương Đông với triết học và mô hình giáo dục phương Tây. Quá trình đào tạo 10 năm của Viện đã góp phần xây dựng lực lượng trí thức Phật giáo và nguồn nhân lực trình độ cao cho một xã hội hòa bình hậu chiến tranh (sau 1975). Nhiều học giả của Viện Đại học Vạn Hạnh có đóng góp quan trọng cho Phật học, khoa học và văn hóa Việt Nam. Những tên tuổi như Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Nguyễn Đăng Thục... với các công trình nghiên cứu văn hóa giá trị vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến giới học thuật và nghiên cứu Việt Nam. Viện Đại học Vạn Hạnh thể hiện năng lực và vai trò của Phật giáo trong định hình tư tưởng và phương pháp cho nền giáo dục. Viện khẳng định vị trí của Phật giáo trong định hướng và thúc đẩy cải cách giáo dục, trước hết là cải cách đại học và kết nối đại học Việt Nam với quốc tế. Bên cạnh Tạp chí *Tư tưởng*, Viện còn sử dụng nhiều

phương tiện truyền thông khác để phát ngôn học thuật cũng như khẳng định sứ mệnh giáo dục - đào tạo của mình. Những quan điểm và kinh nghiệm giáo dục - đào tạo của Viện Đại học Vạn Hạnh ở miền Nam Việt Nam (1964-1975) đóng góp quan trọng vào nhận thức vai trò của Phật giáo trong đời sống chính trị - xã hội, văn hóa - giáo dục của Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Đồng thời, nghiên cứu tư tưởng cải cách đại học của Viện sẽ góp phần tìm ra cách thức phù hợp để phát huy ảnh hưởng của Phật giáo trong lĩnh vực đào tạo trí thức và phát triển con người Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục. (1970). Các vấn đề đại học từ 1970. Phòng Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa. Hồ sơ 6579. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Bộ Giáo dục. (1970). Công văn số 470/GD/TT2/VP ngày 19-6-1970 của Tổng trưởng Bộ Giáo dục gửi Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa về chính sách đối với các viện đại học tư. Phòng Phủ Tổng thống Đệ Nhị Cộng hòa. Hồ sơ 3550. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Clark Kerr (Tô Diệu Lan, dịch). (2013). *Các công dụng của đại học*. Nxb. Tri thức.
- Đoàn Viết Hoạt. (1975). Vai trò của Đại học. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 48.
- Dương Thiệu Tống. (1969). Giáo dục phục vụ văn hóa dân tộc. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 4.
- Hội đồng Đại học Tư lập Việt Nam. (1975). Tuyên ngôn thành lập Hội đồng Đại học Tư lập Việt Nam. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 48.
- Lâm Vĩnh Thế. (2022). Phát triển thư viện tại Việt Nam Cộng hòa trước 1975. Nam Kỳ Lục Tỉnh 2022. <https://sites.google.com/site/namkyluctinhorg/tac-gia-tac-pham/i-j-k-l-m/lam-vinh-the/phat-trien-thu-vien-tai-viet-nam-cong-hoa-truoc-1975>
- Lê Tôn Nghiêm. (1969). Ý thức giáo dục đại học. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 4.
- Ngô Trọng Anh. (1969). Khả tính của Phật giáo đối với sự khủng hoảng giáo dục hiện đại. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 4.
- Ngô Võ Đức Hải. (2024). Quá trình phát triển giáo dục Phật giáo miền Nam (1954-1981). *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*. <https://tapchinghiencuuphatthoc.vn/qua-trinh-phat-trien-giao-duc-phat-giao-mien-nam-1954-1981.html>
- Nguyễn Đăng Thục. (1975). Đại học tư lập. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 48.
- Nguyễn Kim Dung. (2023). *Giáo dục miền Nam Việt Nam dưới thời chính quyền Sài Gòn*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nha Trung Tiểu học. (1975). Tổng số giáo chức đại học tư. 1975. Phòng Nha Trung Tiểu học. Hồ sơ 44. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Phan Ngọc Bảo Liêm. (2020). *Giáo dục đại học tư thực ở miền Nam Việt Nam từ năm 1957 đến năm 1975*. [Luận án Tiến sĩ Sử học. Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế].
- Thích Giác Chính. (2015). Vai trò của Viện Đại học Vạn Hạnh trong hệ thống giáo dục bậc đại học ở Việt Nam. *Thư viện Hoa Sen*. <https://thuvienhoasen.org/a23687/vai-tro-cua-vien-dai-hoc-van-hanh-trong-he-thong-giao-duc-bac-dai-hoc-o-viet-nam>
- Thích Không Hạnh. (2020). Tư tưởng: cơ quan luận thuyết của Viện Đại học Vạn Hạnh. *Thư viện Hoa Sen*. <https://thuvienhoasen.org/a19198/tap-chi-tu-tuong>
- Thích Quảng Độ. (1971). Vạn Hạnh với một nền giáo dục tổng hợp. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 9.
- Thượng tọa Thích Minh Châu. (1967). Viện Đại học Vạn Hạnh một trung tâm giáo dục ở Sài Gòn. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 4 & 5.
- Thượng tọa Thích Minh Châu. (1969). Đường hướng giáo dục Phật giáo. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 4.
- Thượng tọa Thích Minh Châu. (1970). Vai trò Đại học: Ý nghĩa Văn khoa và Khoa học nhân văn. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 6.
- Thượng tọa Thích Minh Châu. (1971). Diễn văn Tổng Khai giảng của Thượng tọa Thích Minh Châu Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh. *Tạp chí Tư tưởng*. Số đặc biệt.
- Thượng tọa Thích Minh Châu. (1975). Hội đồng Đại học Tư lập Việt Nam. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 48.
- Tôn Thất Thiện. (1969). Tri bản: Phương pháp học hỏi theo Đại học và Trung dung. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 4.
- Tôn Thất Thiện. (1970). Vấn đề tự trị đại học. *Tạp chí Tư tưởng*. Số 8.
- Viện Đại học Vạn Hạnh. (1973). *Chỉ nam niên khóa 1973-1974*. Nha Học vụ. Sài Gòn.